

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày: 22-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khoàng Văn Sơn

2. Ông Thùng Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Tân Thị M, sinh ngày 01/01/1979 tại thị xã S, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Bản Ch, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tân A L và bà Sùng Thị C; Bị cáo có chồng là Giàng A S và 06 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2023 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lường Văn Bình, sinh năm 1983, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã S, huyện Nậm Pồ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vàng Văn Ch, chức vụ: Chủ tịch UBND xã S;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giàng A L, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã S (Theo Quyết định số 186/QĐ-UBND, ngày 14/8/2023), vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Cộng đồng dân cư bản Ch, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên; Người đại diện

theo pháp luật: Ông Giàng A D, sinh năm 1990; địa chỉ: bản Ch, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Ông Bạch Văn T, sinh năm 1981, Kiểm lâm viên, Hạt kiểm lâm huyện N, phụ trách xã S, huyện N, có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông cho bị cáo Tân Thị M:* Bà Vàng Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Bản Huổi Đáp, xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có đất canh tác nên vào tháng 02/2023 (bị cáo không nhớ rõ ngày), Tân Thị M một mình mang theo 01 con dao quắm đi bộ lên khu vực rừng tự nhiên mà gia đình M đã làm nương vào năm 2019, thuộc bản Ch, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên để chặt phá rừng mà không xin phép cơ quan có thẩm quyền. Tân Thị M sử dụng 01 con dao quắm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại chặt phá toàn bộ độ che phủ của nhiều loại cây khác nhau trong 04 ngày liên tục thì dừng lại. Khoảng 02 tuần sau, M cầm theo 01 bật lửa gas đến diện tích rừng mà M đã chặt phá rồi đốt toàn bộ cây cối. Đến ngày 28/3/2023, tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã S tuần tra phát hiện hành vi chặt phá, hủy hoại rừng nên đã ra Quyết định đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật số 01/QĐ-UBND, ngày 31/3/2023.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày **01/4/2023** (có bản ảnh và thống kê kèm theo) đã xác định: Tổng diện tích rừng bị Tân Thị M chặt phá là 5.824,65 m² (năm nghìn tám trăm hai mươi bốn phẩy sáu mươi lăm mét vuông), mức độ thiệt hại 100%. Các cây gỗ bị chặt phá có đường kính, kích thước chiều dài khác nhau từ nhóm VI đến nhóm VIII chủ yếu gồm: Ba soi, Hu đay, Vối thuốc... có **chiều cao dưới cảnh trung bình là 4,83 m, đường kính trung bình là 10,55 cm**. Tổng khối lượng gỗ tròn bị chặt phá là 5,702 m³, khối lượng củi tận thu là 3,116 m³.

Tại kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS, ngày 20/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N, xác định giá trị thiệt hại về lâm sản do Tân Thị M gây ra là 11.871.400 đồng; doanh thu từ dịch vụ bảo vệ môi trường rừng là 565.769 đồng, tổng giá trị thiệt hại là 12.437.169 (mười hai triệu bốn trăm ba bảy nghìn một trăm sáu mươi chín đồng).

Tại Kết luận Giám định số 31/KL-GĐ, ngày 15/7/2023 của Giám định viên tư pháp thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, đã xác định: Vị trí diện tích 5.824,65 m² có cây gỗ tự nhiên bị chặt phá thuộc tiểu khu 438, khoảnh 11, lô 23 được quy hoạch là rừng phòng hộ, trạng thái Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc bản Ch, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Diện tích rừng 5.824,65 m² này đã được giao cho Cộng đồng dân cư bản Ch, xã S theo Quyết định số 2168/QĐ-UBND, ngày 23/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Tại bản Cáo trạng số 60/CT-VKSNP ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Tần Thị M về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo. Quá trình điều tra, bị cáo Tần Thị M đã giao nộp vật chứng là 01 con dao quắm dài 43 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 23 cm, đã bị mất cán dao bằng gỗ là công cụ phạm tội.

Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự là UBND xã S có ý kiến: Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo là rõ ràng, gây thiệt hại cho Nhà nước nên yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại.

Trong quá trình điều tra, đại diện của Cộng đồng dân cư bản Ch, xã S có ý kiến: Cộng đồng dân cư bản Ch được Ủy ban nhân dân huyện N giao đất, giao rừng theo Quyết định số 2168/QĐ-UBND, ngày 23/10/2015, trong đó có lô 23, khoảnh 11, tiểu khu 438 là rừng phòng hộ. Hàng năm các hộ dân cư của bản Ch đều được tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng và được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

Tại phiên tòa, ông Bạch Văn T trình bày: Ông Thanh là Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã S, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Thanh đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, tuy nhiên do người dân thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên đã có hành vi hủy hoại rừng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Tần Thị M về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 43 cm, không có cán dao. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước, bị cáo đã bồi thường xong. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh, nhân thân và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Tần Thị M nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Căn cứ vào diện tích rừng phòng hộ mà bị cáo đã chặt phá là 5.824,65 m², Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo mức hình

phạt tù nêu trên là phù hợp và đã xem xét giảm nhẹ cho bị cáo nên vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Tần Thị M đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào tháng 02 năm 2023 (bị cáo không nhớ rõ ngày), bị cáo Tần Thị M một mình sử dụng dao quắm phát trắng toàn bộ diện tích 5.824,65 m² rừng tự nhiên trong 04 ngày liên tục. Khoảng 02 tuần sau, M dùng bật lửa gas đốt cháy toàn bộ cây cối trên diện tích rừng đã chặt phá. Vị trí rừng bị chặt phá là tiểu khu 438, khoảnh 11, lô 23 được quy hoạch là rừng phòng hộ, trạng thái Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc bản Ch, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, do cộng đồng dân cư bản Ch, xã S quản lý, bảo vệ theo Quyết định số 2168/QĐ-UBND, ngày 23/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên. Mục đích bị cáo chặt phá rừng là để lấy đất làm nương, gây thiệt hại về rừng là 12.437.169 đồng mức độ thiệt hại 100%. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản làm việc, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tần Thị M phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m²) đến dưới 7.000 mét vuông (m²);...”

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến môi trường rừng, là nguyên nhân dẫn đến thiên tai và biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị

cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giữ vững kỷ cương của pháp luật và làm gương răn đe, giáo dục trong Nhân dân.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Tần Thị M là người dân tộc thiểu số, sống ở khu vực biên giới, là vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết tiếng Việt, không biết chữ, không hiểu biết pháp luật, vì muốn có đất để canh tác nên đã chặt phá rừng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần là do bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, một phần là do xuất phát từ tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng với số tiền là 12.437.169 đồng cho Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị xử phạt của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Tần Thị M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước, khai báo thành khẩn, bản thân bị cáo là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số không biết tiếng Việt, không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế, diện tích rừng bị cáo chặt phá ở mức trung bình quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước nên không chấp nhận đề nghị xử phạt của Viện kiểm sát. Đối với các đề nghị khác là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của người bào chữa: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ nhân thân, hoàn cảnh, nguyên nhân phạm tội của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Xét thấy, đề nghị của người bào chữa là có phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại với tổng chiều dài 43 cm, không có cán dao do bị cáo đã làm hỏng cán dao trước đó.

Đối với các cây gỗ bị chặt phá, Hạt Kiểm lâm huyện N đã giao Ủy ban nhân dân xã S quản lý, do các cây gỗ đã bị đốt cháy, mục nát, không còn giá trị sử dụng, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 chiếc bật lửa gas, bị cáo khai sử dụng để đốt các cây gỗ, bị cáo khai do dùng hết gas nên đã vứt đi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không thu giữ được, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[8] Đối với nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã S, đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cộng đồng dân cư bản Ch, xã S có đơn xin xét xử vắng mặt, tại giai đoạn điều tra đều đã có lời khai, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền 12.437.169 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền này, nên đã thi hành xong.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa và bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã S, huyện N là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tẩn Thị M phạm tội Hủy hoại rừng.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Tẩn Thị M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị bắt tạm giam 10/8/2023.
3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Tẩn Thị M phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 12.437.169 đồng được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 12.437.169 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0002864, ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên, bị cáo đã bồi thường xong.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm, lưỡi dao bằng kim loại với tổng chiều dài 43 cm, không có cán dao.

(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tẩn Thị M.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/11/2023; trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Bộ phận HSNV CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

